

Số: 10634/BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2023



BÁO CÁO

Quá trình lập, hoàn thiện, trình thẩm định và tổng hợp ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng đối với hồ sơ Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Quyết định số 1311/QĐ-TTg ngày 08/11/2023 và Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 07/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; căn cứ quy định của pháp luật về quy hoạch; theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 9194/TTr-BKHĐT ngày 03/11/2023 về việc thẩm định Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng báo cáo Hội đồng thẩm định về quá trình lập quy hoạch và tóm tắt ý kiến thẩm định đối với hồ sơ Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch vùng) với những nội dung chính như sau:

I. QUÁ TRÌNH LẬP, HOÀN THIỆN HỒ SƠ QUY HOẠCH VÙNG VÀ CHUẨN BỊ HỘI NGHỊ THẨM ĐỊNH

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và quy định của pháp luật về quy hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, trình thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 20/4/2022.

Trên cơ sở nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tổ chức điều tra, thu thập số liệu, phân tích và đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 2011-2020 và triển khai lập Quy hoạch vùng. Trong quá trình lập Quy hoạch vùng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức các hội nghị giữa đơn vị tư vấn với các chuyên gia, nhà khoa học; tổ chức các đoàn khảo sát và làm việc với 14 địa phương trong vùng để hoàn thiện dự thảo Quy hoạch vùng.

Ngày 18/9/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 7677/BKHĐT-QLQH và gửi hồ sơ Quy hoạch vùng để xin ý kiến Mặt trận Tổ quốc, các Bộ, ngành Trung ương, 14 địa phương trong vùng, 11 địa phương có liên quan lưu vực sông và 01 địa phương liền kề nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch và đáp ứng yêu cầu quản lý của các ngành. Đồng thời đã đăng tải hồ sơ Quy hoạch vùng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lấy ý kiến cộng đồng dân cư, tổ

chức, cá nhân có liên quan.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch vùng để trình Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng tại Tờ trình số 9194/TTr-BKHĐT ngày 03/11/2023.

Căn cứ quy định quy định pháp luật về quy hoạch, ngày 16/11/2023 Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng đã có văn bản số 9587/BKHĐT-QLQH gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ là thành viên Hội đồng thẩm định và văn bản số 9586/BKHĐT-QLQH gửi các Ủy viên phản biện để nghiên cứu, tham gia ý kiến thẩm định đối với hồ sơ Quy hoạch vùng.

Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Quy hoạch vùng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu tổ chức Hội nghị Hội đồng điều phối vùng Trung du và miền núi phía Bắc vào ngày 01/12/2023 tại Hà Nội để xin ý kiến tham gia đối với Quy hoạch vùng.

Tính đến nay, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định đã nhận văn bản tham gia ý kiến thẩm định của **12/18 Bộ**, cơ quan ngang Bộ; **06/06 Ủy viên** phản biện. Như vậy, hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc đã được các Bộ, ngành và các ủy viên phản biện tham gia ý kiến thẩm định cơ bản đầy đủ, làm cơ sở để cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tổng hợp, trình Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng tổ chức phiên họp thẩm định Quy hoạch vùng ngày hôm nay.

II. TỔNG HỢP CÁC Ý KIẾN THAM GIA THẨM ĐỊNH

Qua tổng hợp cho thấy, các ý kiến tham gia thẩm định cơ bản thống nhất với hồ sơ Quy hoạch vùng do Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình thẩm định; đồng thời đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung để hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch vùng và tập trung vào nội dung chủ yếu về sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Điều 26 Luật Quy hoạch và Điều 27 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. Đối với Báo cáo kết quả đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch (Báo cáo ĐMC), đa số các ý kiến đều cơ bản thống nhất và đáp ứng được yêu cầu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tuy nhiên đề nghị chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện một số nội dung.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng thẩm định, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định đã dự thảo Báo cáo thẩm định và gửi đến các thành viên Hội đồng thẩm định. Tại phiên họp hôm nay, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định xin báo cáo Hội đồng thẩm định những nội dung tổng hợp ý kiến thẩm định như sau:

1. Nhận xét chung

Hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch vùng được nghiên cứu công phu, nghiêm túc, khoa học và cơ bản đáp ứng yêu cầu được quy định tại Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP cũng như Nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Nội dung hồ sơ Quy hoạch vùng trình thẩm định phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc khóa XIII; Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng

Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 11-NQ/TW) và Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Về nội dung cụ thể

a) *Về căn cứ lập quy hoạch và phạm vi lập quy hoạch:* Đề nghị rà soát, sắp xếp cấu trúc nội dung “căn cứ lập quy hoạch” phù hợp Điều 20 Luật Quy hoạch; rà soát, cập nhật đầy đủ căn cứ pháp lý về Luật, Nghị quyết, văn bản Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có nội dung liên quan đến vùng Trung du và miền núi phía Bắc; lược bỏ các văn bản đã hết hiệu lực.

b) *Về phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của vùng*

Ý kiến: Bộ Lao động, Thương binh và xã hội; Bộ Y tế; Bộ Công an; GS.TSKH. Đào Xuân Học; TS. Nguyễn Bá Ân; TS. Nguyễn Kim Sơn; PGS. TS. Trần Trọng Hanh

Báo cáo Quy hoạch vùng nêu khá toàn diện, đầy đủ về yếu tố và điều kiện thuận lợi, các khó khăn, hạn chế về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, địa hình, đất đai, khí hậu, nguồn nhân lực, tài nguyên nhân văn. Tuy nhiên, Báo cáo Quy hoạch vùng còn thiên về mô tả, cần bổ sung những nhận định, đánh giá tổng quát, làm đậm nét, làm rõ đặc thù của vùng Trung du và miền núi phía Bắc (TDMNPB), trong đó có phân theo tiểu vùng, gồm: Vị trí địa kinh tế - chính trị; đặc điểm địa hình, khí hậu thủy văn; đặc điểm kinh tế; đặc điểm văn hóa, xã hội, cũng như thực trạng và tiềm năng phát triển; nhận định đánh giá làm rõ điểm những “điểm nghẽn”... Qua đó, tăng tính thuyết phục và khả thi, phù hợp của việc đề xuất các kịch bản phát triển và các quan điểm chỉ đạo, các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá và định hướng quy hoạch phát triển các ngành nông, lâm nghiệp, công nghiệp và tổ chức không gian phát triển theo các tiểu vùng, vùng động lực, các vành đai, hành lang và các cực tăng trưởng.

Nội dung đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội đề cập khá đầy đủ, hệ thống số liệu phong phú để minh chứng, có so sánh với các vùng khác cả về quy mô, tốc độ tăng trưởng, chuyên dịch cơ cấu, khai thác và sử dụng nguồn lực; hiện trạng khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng; hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng; hiện trạng liên kết nội vùng, liên kết vùng với khu vực và quốc tế; hiện trạng đảm bảo quốc phòng an ninh... Song cần bổ sung thêm thông tin, số liệu, đánh giá kỹ hơn về các lĩnh vực y tế, lực lượng lao động, việc làm (lao động trong độ tuổi, cơ cấu lao động theo giới tính, nhóm tuổi; tác động của quy mô lực lượng lao động theo độ tuổi đến năng suất lao động); tỷ lệ thất nghiệp; phát triển thị trường lao động,...; chuyên dịch lao động ra ngoài vùng.

Hiện trạng phân bố dân cư nông thôn (*trang 229* Báo cáo Quy hoạch vùng) ngoài việc đã chia ra hai địa bàn: vùng đồng bào dân tộc thiểu số đồi núi và vùng nông thôn đồi thấp và đồng bằng. Để có căn cứ đề xuất trong phần III nên nghiên cứu chia thêm một vùng quan trọng nữa là vùng trung du đồng bằng phát triển công

nghiệp và phi nông nghiệp (Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc). Ở cả ba vùng này đề nghị xác định rõ các vấn đề về phân bổ không gian cư trú và sinh kế của cư dân nông thôn để đưa ra các giải pháp trong quy hoạch, phục vụ chức năng của từng tiểu vùng, đáp ứng các định hướng phát triển kinh tế.

Bổ sung đánh giá về tiềm năng đất phi nông nghiệp; hiện trạng sử dụng và khả năng phát triển để xây dựng phát triển vùng; số liệu về hiện trạng đất an ninh (3.851ha). Hiện nay, đất phi nông nghiệp của vùng là 648.464 ha; chỉ chiếm 6,8% đất tự nhiên của vùng. Tuy nhiên, dư địa đất phi nông nghiệp thực tế của vùng không còn nhiều. Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng đô thị nông thôn theo dự thảo Quy hoạch vùng đòi hỏi quỹ đất phi nông nghiệp phải gia tăng khoảng gấp đôi, ba lần. Đây là một thách thức lớn của vùng, nếu tính toán không kỹ sẽ đưa ra các giải pháp không khả thi.

Các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong quy hoạch vùng TDMNPB cần lưu ý: (i) Tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng theo hướng xanh, bền vững, toàn diện để thoát nghèo, giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương trong vùng và với các vùng khác trong cả nước; (ii) Bảo vệ môi trường, đặc biệt là bảo vệ rừng, nguồn nước, an toàn sinh thái, đa dạng sinh học, xử lý tốt giữa bảo tồn và phát triển; (iii) Khai thác sử dụng hiệu quả, tiết kiệm quỹ đất phi nông nghiệp ít ỏi, sắp xếp và tổ chức lại không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, hệ thống đô thị và nông thôn theo hướng bền vững, xanh và thông minh, bản sắc rõ ràng; (iv) Phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại và bền vững (phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao thông liên kết nội vùng (các tuyến giao thông kết nối ngang) và liên vùng (các trục giao thông kết nối vùng với Thủ đô Hà Nội, vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và với Trung Quốc và Lào...)); (v) Phát triển nguồn nhân lực; (vi) Tăng cường liên kết vùng; (vii) Quản trị và điều phối vùng; (viii) Đảm bảo quốc phòng an ninh, trật tự và an toàn xã hội; (ix) Huy động vốn cho các dự án ưu tiên; dự án có tính đột phá và hình thành được khu vực có vai trò động lực phát triển của vùng.

b) Về Quan điểm, mục tiêu và các đột phá phát triển vùng

Ý kiến: Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Ngoại giao; Bộ Thông tin và Truyền thông; TS. Nguyễn Bá Ân; PGS. TS. Trần Trọng Hanh

- Về quan điểm phát triển (*trang 335 Báo cáo Quy hoạch vùng*): Quan điểm phát triển cần đề nghị cân nhắc lồng ghép một số nội dung sau để đạt mục tiêu tăng trưởng: (i) Thúc đẩy phát triển kinh tế vùng biên, kinh tế cửa khẩu, tăng cường thương mại với các địa phương biên giới của Lào và Trung Quốc, đặc biệt là tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; (ii) Gắn kết và triển khai đồng bộ hội nhập kinh tế của khu vực trung du và miền núi phía Bắc với vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; (iii) Tận dụng triệt để hiệu quả các FTA song phương và đa phương mà Việt Nam đã tham gia, đặc biệt là các FTAs thế hệ mới như RCEP, CPTPP...; nhấn mạnh nội dung bảo vệ môi trường làm nền tảng, phát triển hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là thành tựu của cuộc cách mạng lần thứ 4 trong phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều

kiện thực tế của vùng. Quan điểm phát triển vùng TDMNPB cần hướng đến đổi mới tư duy phát triển, về chuyển đổi số và phát triển kinh tế số. Đề nghị bổ sung vào quan điểm: “Phát triển bền vững... theo hướng hài hòa với tự nhiên, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn...” về liên kết vùng, tiểu vùng; về cơ chế, chính sách đặc thù; về phân bổ nguồn lực; về nguồn nhân lực và tiềm năng, lợi thế nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng, các tiểu vùng và từng tỉnh trong vùng, tiểu vùng; giải quyết các vấn đề trọng điểm quốc gia tại vùng; các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tiểu vùng. Khơi dậy và phát huy mạnh mẽ hơn nữa truyền thống cách mạng, lòng yêu nước; tinh thần chủ động, sáng tạo; ý thức tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên, không cam chịu đói nghèo, thua kém các tỉnh khác, vùng khác.

- Về mục tiêu phát triển: Mục tiêu tổng quát, mục tiêu và các chỉ tiêu cụ thể quy hoạch đưa ra là phù hợp nhưng cần bổ sung luận chứng, phát triển kinh tế vùng nhanh và bền vững hơn; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vùng đạt mức cao hơn bình quân chung của cả nước trên cơ sở từng bước đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng.

c) Về Phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng; phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn và phân bổ nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng

Ý kiến: Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Công an; GS.TSKH Đào Xuân Học; TS. Phạm Trung Lương; TS. Nguyễn Bá Ân; TS. Nguyễn Kim Sơn

- Về định hướng phát triển các ngành có lợi thế (*trang 348 Báo cáo Quy hoạch vùng*): Đề nghị bổ sung định hướng phát triển các ngành đã được xác định là ngành có lợi thế gồm: Điện tử, công nghiệp bán dẫn, lâm nghiệp, dịch vụ (*trang 347 Báo cáo Quy hoạch vùng*)... như đã xác định. Để đảm bảo tính hệ thống và thống nhất của Báo cáo Quy hoạch vùng, những ngành được lựa chọn là ngành có lợi thế cần đưa ra phương hướng phát triển (Mục 1.3 “Định hướng phát triển các ngành có lợi thế”, *trang 348-351 Báo cáo Quy hoạch vùng*). Nội dung định hướng phát triển các ngành có lợi thế cần rõ ràng hơn.

- Về bố trí tổ chức sản xuất công nghiệp cần đảm bảo các yếu tố không gian:

+ Các khu công nghiệp chế biến nông sản, khoáng sản được liên kết chặt chẽ với vùng nguyên liệu, và địa bàn khai thác.

+ Cả vùng nguyên liệu cũng chế biến được hỗ trợ bởi các hạt nhân nghiên cứu khoa học công nghệ và cung cấp lao động tay nghề cao.

+ Các doanh nghiệp lớn đầu tàu phải gắn bó với hệ sinh thái các doanh nghiệp địa phương sản xuất vệ tinh và công nghiệp phụ trợ.

+ Cần phát triển các vùng dân cư đô thị gắn liền với các trung tâm công nghiệp (chế biến nông sản, chế biến khoáng sản, cung cấp năng lượng...). Đặc biệt cần rút kinh nghiệm của các khu công nghiệp vùng Đông Nam Bộ gắn chặt và gây quá tải cho thành phố Hồ Chí Minh; giữa vành đai công nghiệp chế biến chế tạo cao cấp vùng Trung du phía Bắc (Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang) với Hà Nội cần hình thành một vành đai đô thị phục vụ cho công nghiệp nằm ngay tại các tỉnh sản xuất

công nghiệp. Tại đây không chỉ bố trí các khu dân cư cho công nhân cán bộ làm việc tại các khu công nghiệp mà cần tạo điều kiện tốt để chuyên gia và nhà quản lý đến ở, hình thành các trung tâm khoa học công nghệ và tham gia vào hệ thống Logistics phục vụ công nghiệp.

- Để thực hiện yêu cầu của Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị “phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững”, bên cạnh việc bố trí các địa bàn thích hợp và cân đối để phát triển rừng cần xác định rõ các cơ sở hạ tầng chính, các trung tâm chế biến, hệ thống logistics để có thể khai thác hiệu quả sản phẩm lâm nghiệp, sản phẩm phi gỗ và dịch vụ từ rừng và bổ sung những giải pháp, định hướng rõ nét hơn trong Quy hoạch vùng đối với lâm nghiệp và du lịch nông nghiệp.

- Về phương hướng phát triển du lịch (Mục 1.3.3, *trang 350-351* Báo cáo Quy hoạch vùng): Cần bổ sung một số chỉ tiêu phát triển cụ thể đến năm 2030 để đảm bảo tính tương đồng với ngành công nghiệp và nông nghiệp. Cần làm rõ: không gian chức năng du lịch; địa bàn trọng điểm du lịch, các tuyến du lịch (nội dung và liên vùng). Nghiên cứu, bổ sung giải pháp phát triển du lịch “Tính toán mô hình du lịch qua biên giới gắn với khi kinh tế cửa khẩu, tuyến du lịch trong vùng nhằm thu hút khách trong nước và quốc tế, tuy nhiên phải đảm bảo các yêu tố về an ninh, trật tự an toàn xã hội”.

- Về định hướng phát triển và tổ chức không gian phát triển các ngành có lợi thế: Lưu ý vành đai phát triển công nghiệp Bắc Giang – Thái Nguyên - Tuyên Quang – Phú Thọ - Yên Bái – Hòa Bình; bổ sung các vùng chuyên canh cây trồng chính (cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu, nguyên liệu gỗ...).

- Đề nghị bổ sung phương hướng phát triển nhóm ngành lĩnh vực xã hội như khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo...

- Về phương án phát triển không gian vùng (tiểu mục 2.1.4.1 *trang 374* Báo cáo Quy hoạch vùng):

Việc chia vùng TDMNPB thành 04 tiểu vùng gồm: (i) Tiểu vùng phía Tây; (ii) Tiểu vùng Tây Bắc; (iii) Tiểu vùng Đông Bắc và (v) Tiểu vùng phía Đông cần được luận chứng làm rõ hơn trên cơ sở 04 vùng địa lý tự nhiên – kinh tế hiện nay, gồm: (i) Vùng Tây Bắc; (ii) Vùng khu vực Hoàng Liên Sơn; (iii) Vùng Việt Bắc; (v) Vùng Đông Bắc. Hệ thống các tiểu vùng này đã được các chuyên gia địa lý nghiên cứu khá kỹ, nên kế thừa kết quả nghiên cứu này. Với 04 tiểu vùng này, có thể xây dựng 04 đô thị trung tâm tương ứng là các thành phố Hòa Bình, Việt Trì, Thái Nguyên và Bắc Giang như đã được xác định tại Quyết định số 10/1998/QĐ-TTg ngày 23/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020.

+ Đối với tiểu vùng:

* Tiểu vùng 1: Ngoài các nội dung đã nêu cần nhấn mạnh đến chức năng cung cấp dịch vụ môi trường quốc gia, đảm bảo diện tích rừng cần thiết để duy trì nguồn nước phục vụ vùng đồng bằng hạ lưu và phục vụ thủy điện.

* Tiểu vùng 2: Ngoài các nội dung đã nêu cần nhấn mạnh đến chức năng phát triển sản xuất công nghiệp khai khoáng và kinh tế lâm nghiệp (phát triển tổng hợp

cả trồng, bảo vệ, chế biến; cả gỗ sản phẩm ngoài gỗ và dịch vụ).

* Tiểu vùng 3: Cần nhấn mạnh vai trò của Cao Bằng “phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến”, “công nghiệp chế biến chế tạo”, “trung tâm giao thương kinh tế văn hóa đối ngoại với các tỉnh phía Tây Tây - Nam Trung Quốc và các nước Asean”..., dựa trên lợi thế đặc biệt nào?

* Tiểu vùng 4: Cần nhấn mạnh vai trò là trung tâm Logistics và tính chất phòng thủ quốc phòng quan trọng của địa bàn này.

+ Nội dung của phát triển các vành đai cần được nêu rõ thêm như:

* Vành đai Biên Giới: Để thực hiện các chức năng an ninh, quốc phòng và an sinh, kinh tế cửa khẩu,... thì nội dung quy hoạch cần làm rõ các nguyên tắc và định hướng về bố trí dân cư, bố trí sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, cung cấp dịch vụ công,....

* Vành đai Logistics: Theo quy hoạch giao thông thì quốc lộ 37 là đường cấp 4 ở khu vực miền núi chỉ các đoạn khu vực đông dân cư, đồng bằng là đường cấp 3. Như vậy khó đáp ứng được nhiệm vụ quan trọng của “Vành đai Logistic”: trong Báo cáo Quy hoạch vùng đề xuất sẽ “liên kết trung tâm chế biến của vùng với thị trường và các đầu mối sân bay và cảng biển” (*trang 382 Báo cáo Quy hoạch vùng*). Khả năng thiết thực hơn là việc sử dụng vành đai 5 của thành phố Hà Nội sau khi xây dựng và mở rộng, kết nối Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ (Hòa Bình chỉ một phần nhỏ), cho phép gắn kết vùng trung du là khu công nghiệp phát triển hiện đại trong tương lai, cũng gắn liền hệ thống đô thị để phục vụ cho các khu công nghiệp và giảm tải cho Hà Nội. Cần đánh giá chính xác khả năng phát triển giữa hai vành đai này để có thể kết nối toàn vùng miền núi phía Bắc với hệ thống cảng biển, sân bay, đường sắt trong và ngoài nước.

d) Về phương hướng xây dựng và các khu chức năng

Ý kiến: Bộ Nội vụ; Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; PGS. TS. Trần Trọng Hanh; GS.TSKH Đào Xuân Học

- Bổ sung định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, cụ thể là: Tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo chủ trương của đảng và quy định của pháp luật, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu phát triển.

- Đề nghị bổ sung quan điểm và mục tiêu phát triển dựa trên Nghị quyết 06-NQ/TW của Bộ chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị.

- Định hướng tổ chức không gian phát triển hệ thống đô thị và nông thôn: Cần làm rõ tính khả thi của các chỉ tiêu phát triển hệ thống đô thị của vùng (Năm 2020, dân số đô thị của vùng là 2.559,2 nghìn người với tỷ lệ đô thị hóa là 20%. Theo Bảng 75 (*trang 398 Báo cáo Quy hoạch vùng*) quy mô dân số đô thị vùng sẽ tăng lên 7,597,804 nghìn người, đạt tỷ lệ đô thị hóa là 50%). Với dự báo này, tốc độ tăng trưởng dân số đô thị trong thời kỳ quy hoạch sẽ là 11,51% trung bình năm; so với giai đoạn 2015 – 2020, chỉ tiêu này chỉ đạt 3,8% trung bình năm. Như vậy, chỉ tiêu

đô thị hóa 11,51% là quá cao, rất khó khả thi trong thời kỳ quy hoạch.

Cần xác định rõ phương hướng phát triển hệ thống đô thị của vùng này, trên cơ sở phát triển vành đai đô thị - công nghiệp - dịch vụ, kết nối với các hành lang quan trọng của vùng, tạo ra động lực tăng trưởng và quy mô GRDP lớn cho vùng Trung du và Miền núi phía Bắc. Ngoài ra, cần có giải pháp kết nối với cảng Nghi Sơn (Thanh Hóa) và cảng Hải Hà (Quảng Ninh).

Trên cơ sở lựa chọn các đô thị có tính chất, quy mô cấp vùng (đô thị loại I, II), đề nghị làm rõ những định hướng về hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị, vai trò về an ninh quốc phòng. Bổ sung định hướng phát triển đô thị vừa và nhỏ; đồng thời xác định rõ vị trí, vai trò của các đô thị lớn đối với vùng và từng tiểu vùng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa. Nên có một số quy định trong quy hoạch với tầm nhìn dài để tránh những vấn đề đã gặp ở miền xuôi như tắc đường, môi trường đô thị, không có sự kết nối các đầu mối giao thông.

Đối với đề xuất thị xã Phú Thọ (tỉnh Phú Thọ) lên đô thị loại II trước năm 2030, thành phố Lạng Sơn mở rộng (trong đó sáp nhập toàn bộ huyện Cao Lộc vào thành phố Lạng Sơn) định hướng đến năm 2025 hoàn thành các tiêu chí của đô thị loại II, lên đô thị loại I sau năm 2030 là không khả thi (do nhiều chỉ tiêu, tiêu chí sau khi sáp nhập không đạt theo quy định hiện hành). Đề nghị rà soát, cân nhắc về tính khả thi của các đề xuất trên, trên cơ sở tính toán thời gian, nguồn lực, nguồn vốn đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị để đáp ứng các yêu cầu về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, loại đô thị đối với thị xã Phú Thọ và thành phố Lạng Sơn (mở rộng).

Đối với các đô thị được đề xuất nâng cấp, mở rộng cần được nghiên cứu, đánh giá trên cơ sở khoa học, phù hợp phương án sắp xếp các đơn vị hành chính giai đoạn 2023- 2025 của các địa phương trong vùng, tuân thủ các quy định hiện hành về nâng cấp đô thị, về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; đảm bảo theo yêu cầu của Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phương hướng phát triển khu vực nông thôn của vùng: Để đạt được mục tiêu 80% tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới (năm 2023 mới đạt 48%) đòi hỏi phải có sự thay đổi rất lớn trong đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn. Vì vậy cần bổ sung thuyết minh chi tiết hơn việc thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là ở địa bàn khó khăn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới đó là hỗ trợ xây dựng nông thôn mới cấp thôn/bản và phát triển du lịch nông thôn, du lịch trải nghiệm.

- Kinh tế cửa khẩu và các khu kinh tế cửa khẩu (*trang 360* Báo cáo Quy hoạch vùng) là lợi thế rất lớn của vùng TDMNPB nên nội dung này cần được bổ sung thêm cho rõ và đậm nét hơn. Tập trung phát triển khu kinh tế cửa khẩu thực sự trở thành một trong những trung tâm kinh tế về thương mại, dịch vụ, du lịch và công nghiệp của các tỉnh miền núi phía Bắc và có khả năng gắn kết được với các địa phương khác để tạo thành tuyến dịch vụ thương mại - du lịch động lực của toàn vùng Trung du miền núi phía Bắc; là một trong những trung tâm giao thương của Việt Nam và

khu vực ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc theo định hướng phát triển đa ngành, đa lĩnh vực và là điểm đột phá về kinh tế của các tỉnh miền núi phía Bắc. Đồng thời, bảo đảm vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng của quốc gia. Các Khu kinh tế cửa khẩu được phát triển theo mô hình chuỗi kết nối trên tuyến hành lang biên giới và gắn với các hành lang kinh tế của vùng kết nối trực tiếp với hệ thống cửa khẩu của Trung Quốc và kết nối với trung tâm kinh tế của vùng.

- Về phát triển các khu nông, lâm nghiệp công nghệ cao cần rà soát loại bỏ những nội dung trùng lặp giữa các đoạn văn tại *trang 355* Báo cáo Quy hoạch vùng.

- Bổ sung những định hướng cơ bản về không gian phát triển, giải pháp cụ thể về vùng nguyên liệu, hạ tầng logistic phải mang tính vùng, không nên để từng tỉnh xác định.

đ) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng

Ý kiến: Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Khoa học và Công nghệ; TS. Nguyễn Bá Ân

- Về phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông:

Hạ tầng giao thông và kết nối nội vùng, liên vùng là một “điểm nghẽn” lớn nhất đối với vùng TDMNPB. Bám sát quan điểm chỉ đạo vùng TDMNPB phải là vùng phát triển nhanh và bền vững là nhiệm vụ hết sức quan trọng, có ý nghĩa không chỉ về kinh tế - xã hội mà trước hết về chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của các địa phương trong vùng (quan điểm 1 của Nghị quyết số 11-NQ/TW). Tập trung nguồn vốn đầu tư nhà nước để phát triển hệ thống hạ tầng giao thông kết nối nội vùng, liên vùng và các địa bàn xa xôi, đặc biệt khó khăn, đóng vai trò trọng yếu về quốc phòng, an ninh... Do đó, quy hoạch sẽ xác định rõ định hướng đến năm 2030 cơ bản cải thiện 5 tuyến giao thông quan trọng kết nối vùng với Thủ đô Hà Nội với các cửa khẩu quốc tế, đồng thời từng bước triển khai phát triển các tuyến giao thông kết nối ngang. Như vậy trước năm 2030 phải hoàn thành hoặc khởi công xây dựng 2 tuyến đường sắt khổ 1.435 m Đồng Đăng – Hà Nội và Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng. Các tuyến đường bộ Cao tốc: Chi Lăng – Hữu Nghị - Trà Lĩnh (Cao Bằng); Chợ Mới – Bắc Kạn – Cao Bằng; Tuyên Quang – Hà Giang, sau năm 2030 tiền cao tốc kéo tới của khẩu Thanh Thủy; tuyến tiền cao tốc Sapa – Lai Châu; Hòa Bình – Mộc Châu – Sơn La – Điện Biên Phủ, sau năm 2030 tiền cao tốc kéo tới của khẩu Tây Trang. Khởi công các tuyến giao thông kết nối liên vùng Lạng Sơn – Quảng Ninh và Bắc Giang Quảng Ninh; Hòa Bình – Thanh Hóa. Đối với phương án phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, cần có phương án xây dựng một số cảng sông lớn, có sự kết nối với đường sắt, các phương tiện giao thông, tăng cường giao thông thủy. Việc xây dựng đập dâng trên sông Hồng vào năm 2026 sẽ tạo điều kiện tốt cho giao thông thủy trong mùa kiệt từ biển lên đến Hoà Bình và gần tới Lào Cai.

- Đề nghị bổ sung phương án phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ vào mục IV. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng vùng (*trang 427* Báo cáo Quy hoạch vùng).

- Bổ sung định hướng phát triển khoa học và công nghệ và định hướng phát

triển hạ tầng khoa học và công nghệ vùng TDMNPB bảo đảm đáp ứng được nhu cầu phát triển của của vùng. Nghiên cứu chỉnh sửa các giải pháp về khoa học và công nghệ theo kiến nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Xem xét, rà soát, hiệu chỉnh phương án phân vùng phòng cháy, chữa cháy đảm bảo thống nhất với Phụ lục I, Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07/07/2023 (02 địa phương trung tâm phòng cháy chữa cháy là Thái Nguyên và Sơn La).

e) Phương hướng bảo vệ môi trường, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng

Ý kiến: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; TS. Nguyễn Kim Sơn

Mục 1 Phần VI Điều 1 Phương hướng liên kết bảo vệ môi trường (trang 33 Báo cáo Quy hoạch vùng) đề nghị chỉnh sửa: “Buộc các cơ sở đầu tư các công trình bảo vệ môi trường và xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn Quốc gia/quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; khuyến khích áp dụng các hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO14001” .

Thiên tai là thách thức lớn nhất của vùng bởi vậy Quy hoạch vùng cần thể hiện rõ, chi tiết phân vùng rủi ro thiên tai cụ thể (mới chỉ đề cập một số việc cần tiếp tục làm để phân vùng rủi ro thiên tai) để từ đó có định hướng, phương án bố trí sắp xếp dân cư cũng như tổ chức không gian phát triển các ngành lĩnh vực, đảm bảo thích ứng, an toàn trước thiên tai. Nên xem xét kinh nghiệm của Trung Quốc trong mấy năm gần đây liên tiếp xảy ra lũ lớn ở các thành phố lớn kể cả Bắc Kinh, đã phải áp dụng các phương án phân lũ qua các vùng phụ cận để điều tiết (mà nguyên nhân chỉ vì mưa ở mức lớn kỷ lục lịch sử, chưa liên quan gì đến việc xả lũ của các đập thượng nguồn).

Về rủi ro dịch bệnh: Biện pháp kiểm dịch phải được định ra về mặt không gian, song song với kiểm soát tại cửa khẩu và trên đường vận chuyển, về mặt bố trí sản xuất phải tạo ra những vùng an toàn dịch bệnh tại những chốt chặn địa lý quan trọng dọc theo các trục đường vận chuyển chính, để có biện pháp ngăn chặn và xử lý khi dịch bệnh bùng phát từ phía bạn.

g) Phương hướng đảm bảo quốc phòng, an ninh

Ý kiến: Bộ Quốc phòng; Bộ Công an

Bổ sung “- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng thế trận phòng thủ, trên cơ sở cập nhật, tích hợp đầy đủ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên phạm vi cả nước được xác định tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; chỉ đạo của Chính phủ tại văn bản 9297/VPCP-CN ngày 06/11/2020 và Thông báo số 430/TB-VPCP ngày 23/10/2023 về rà soát, cập nhật, tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho quốc phòng vào hệ thống quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn các tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc”.

Xem xét, nghiên cứu bổ sung Quy hoạch sử dụng đất an ninh đến năm 2030 là 6.149ha; định hướng sử dụng đất an ninh đến năm 2050 là 7.107ha.

h) Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện

Ý kiến: TS. Phạm Trung Lương; PGS. TS. Trần Trọng Hanh

- Nội dung “Xác định danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện” (Mục VIII, trang 574-588 Báo cáo Quy hoạch vùng) cần tập trung để tháo gỡ các “điểm nghẽn” trong phát triển và thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của quy hoạch vùng. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư cần bổ sung một số dự án ưu tiên đầu tư mang tính vùng để tháo gỡ “điểm nghẽn” về “nguồn nhân lực” và tạo đột phá cho một số ngành có lợi thế để thúc đẩy tăng trưởng GDP của vùng và tạo việc làm, nâng cao đời sống cho người dân, đặc biệt cộng đồng dân tộc thiểu số của vùng.

- Các dự án ưu tiên đầu tư phần lớn trùng với dự án cấp quốc gia, trong khi các dự án ưu tiên của vùng chưa được xác định rõ ràng. Ngoài ra, một số dự án của quy hoạch tỉnh cũng không nên đưa vào danh mục dự án của vùng.

- Nhu cầu vốn đầu tư ước tính khoảng 244 tỷ USD là rất lớn, trong đó vốn từ NSNN chỉ chiếm 25%. Vốn đầu tư từ NSNN mang tính dẫn dắt nhưng chỉ chiếm 25% là tỷ trọng khá nhỏ, rất khó khả thi cho toàn vùng, ngoại trừ khu vực động lực tăng trưởng. Cần tính lại nhu cầu vốn đầu tư thực tế trên cơ sở danh mục dự án ưu tiên đầu tư của vùng.

- Ngoài ra, cũng nên lựa chọn xác định một số dự án đầu tư chiến lược có tính đột phá của vùng. Ví dụ như vành đai đô thị - công nghiệp - dịch vụ Hòa Bình - Việt Trì - Thái Nguyên - Bắc Giang và 04 hành lang đô thị của 04 tiểu vùng Tây Bắc, Hoàng Liên Sơn, Việt Bắc và Đông bắc, để tạo ra sự phát triển đột phá cho toàn vùng.

i) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

Ý kiến: Bộ Nội vụ; TS. Phạm Trung Lương; TS. Nguyễn Bá Ân

Giải pháp thực hiện quy hoạch là một trong những nội dung quan trọng, do đó cần nghiên cứu bổ sung, nhất là nhóm giải pháp đặc thù về cơ chế, chính sách, đây là giải pháp đầu tiên quan trọng nhất để huy động, tập trung nguồn lực giải quyết các “điểm nghẽn” về đầu tư hạ tầng giao thông, phát triển kinh tế của khâu... Hệ thống các giải pháp thực hiện quy hoạch còn khá chung chung, đặc biệt đối với các giải pháp để thực hiện các “đột phá” của vùng. Lưu ý đối với giải pháp về chính sách phát triển vùng; giải pháp về hợp tác quốc tế để tận dụng nguồn lực về tài chính, công nghệ, kinh nghiệm cho phát triển vùng TDMNPB.

Bổ sung giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số, đô thị thông minh; tăng cường phân cấp phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực theo hướng bán sát các nội dung về công tác cải cách hành chính trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030 ban hành kèm Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

k) Về Báo cáo kết quả đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch

Ý kiến: PGS. TS Nguyễn Thế Chinh

So với yêu cầu quy định chung các nội dung cần có đối với bản Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch theo phụ lục II, mẫu 1b Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cấu trúc Báo cáo ĐMC cơ bản đã đủ. Bên cạnh các nội dung chi tiết đã gửi Hội đồng thẩm định, đề nghị hoàn thiện những nội dung quan trọng sau:

- Phần mở đầu:

+ Tiêu mục 2.1. “Căn cứ pháp luật” (*trang 2-5 Báo cáo ĐMC*) cần phải rà soát lại những văn bản pháp luật phù hợp với quy hoạch vùng TDMNPB, các văn bản không phù hợp nên loại bỏ.

+ Tiêu mục 2.3. “Tài liệu, dữ liệu cho thực hiện ĐMC” (*trang 6-9 Báo cáo ĐMC*) liên quan đến cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc tiến hành xây dựng quy hoạch như dữ liệu về tự nhiên, kinh tế xã hội, bản đồ nền, bản đồ thành phần để phục vụ cho xây dựng quy hoạch vùng TDMNPB, dữ liệu của 14 tỉnh trong vùng... không phải là các văn bản chỉ đạo hoặc văn bản pháp luật như đang trình bày.

- Chương 1: Tóm tắt nội dung chiến lược, quy hoạch

Tiêu mục 1.4. “Nội dung của Quy hoạch vùng có khả năng tác động đến môi trường” (*trang 23-57 Báo cáo ĐMC*): Không nên tóm tắt lại nội dung quy hoạch, mà cần xác định những nội dung thực hiện quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường có tính chất vùng bao gồm phát triển ngành và tổ chức không gian, hành lang kinh tế có tính chất liên tỉnh.

- Chương 2: Phạm vi đánh giá môi trường Chiến lược và thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi quy hoạch:

+ Tiêu mục 2.2.4 “Thành phần môi trường” (*trang 70-95 Báo cáo ĐMC*): Mục này nên xem xét đánh giá dựa vào tính chất đặc trưng của các thành phần môi trường đất, nước, không khí, sinh vật dựa trên cơ sở có những đặc trưng chung có tính chất liên tỉnh đặc trưng của vùng TDMNPB, không nên đánh giá xem xét theo địa bàn tỉnh, vì nội dung của từng tỉnh đã có ĐMC của quy hoạch tỉnh thực hiện.

+ Tiêu mục 2.2.5. “Di sản thiên nhiên” (*trang 96-113 Báo cáo ĐMC*) nên mô tả kỹ hơn và nhấn mạnh tới những di sản thiên nhiên có tính chất liên tỉnh và quy mô đặc trưng của vùng.

- Chương 3: Đánh giá tác động của chiến lược, quy hoạch đến môi trường

Tiêu mục 3.4 “Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện quy hoạch” (*trang 262-351 Báo cáo ĐMC*): Nội dung mục 3.4 vẫn chưa hoàn thành đầy đủ các nội dung, đề nghị tiếp tục hoàn thiện đầy đủ, nhất là nội dung *trang 324-326*, lưu ý tác động tích cực của phương án thực hiện quy hoạch đối với các vấn đề môi trường chính, nếu chủ yếu tác động tiêu cực đến các vấn đề môi trường chính cần có điều chỉnh từ bản quy hoạch. Đánh giá quy hoạch tác động tới các vấn đề môi trường chính của mục này cần chú ý tới quy mô vùng, liên tỉnh không nên nhìn nhận trong một tỉnh, lưu ý tới phát triển các hành lang kinh tế tác động tới các vấn đề môi trường chính, hệ thống giao thông, khai

thác các dòng sông.... Tiêu mục 3.4.2.2 “Dự báo tác động của Quy hoạch đối với xu hướng biến đổi khí hậu” (*trang 344-351 Báo cáo ĐMC*) chưa đạt yêu cầu, cần phải tính toán và xác định hai vấn đề: (i) Hấp thụ khí nhà kính từ phát triển rừng; (ii) Phát thải khí nhà kính của các ngành, từ đó cân đối giữa hấp thụ và phát thải đối với thực hiện phương án quy hoạch. Đề nghị rà soát và hoàn thiện lại mục 3.4, đây được xem là mục cơ bản của Báo cáo ĐMC.

- Chương 4: Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, hạn chế giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính

+ Tiêu mục 4.2.1. “Định hướng áp dụng công cụ quản lý môi trường của quy hoạch” (*trang 362 Báo cáo ĐMC*) nên viết lại, nội dung chưa đúng vì công cụ quản lý môi trường có 4 loại: (i) công cụ giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức; (ii) công cụ pháp luật; (iii) công cụ kinh tế và (iv) công cụ kỹ thuật. Như vậy với 4 công cụ đó áp dụng cho quản lý môi trường như thế nào đối với vùng TDMNPB nhóm tư vấn cần xác định rõ. Tiêu mục này nên xem xét phân vùng môi trường dựa trên cơ sở khoa học phân vùng môi trường trong quy hoạch. Đối với tiêu mục 4.2.2. “Định hướng thực hiện đánh giá tác động môi trường” cần lưu ý tới các dự án có tình liên kết, ảnh hưởng tới môi trường từ 2 tỉnh trở lên ở trong vùng TDMNPB.

+ Tiêu mục 4.3. “Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình triển khai thực hiện” (*trang 364-368 Báo cáo ĐMC*): Đối với Quy hoạch vùng không có cơ quan quản lý hành chính cấp vùng, do vậy quan trọng đối với chương trình quản lý và giám sát phải dựa vào đầu mối cơ quan trung ương chủ trì điều phối, cụ thể là Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng Bộ Tài nguyên và Môi trường, các đầu mối cấp tỉnh cần có sự phối hợp để thực hiện cung cấp thông tin dữ liệu cũng như triển khai quản lý và giám sát. Vì vậy mục này cần viết lại rõ hơn chủ thể quản lý và giám sát.

l) Dự thảo Quyết định định phê duyệt Quy hoạch vùng

Ý kiến: Bộ Quốc phòng; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Y tế

- Đề nghị rà soát, điều chỉnh lại theo hướng bao quát, ngắn gọn, xúc tích, đảm bảo đầy đủ theo nội dung hồ sơ Quy hoạch vùng sau khi được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện.

- Về quan điểm phát triển kinh tế-xã hội (KTXH) (*trang 2*):

Đề nghị bổ sung vào quan điểm phát triển KTXH (*trang 2*) như sau: “Phát triển bền vững...theo hướng hài hòa với tự nhiên, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn...”.

- Về mục tiêu phát triển kinh tế vùng đến năm 2030 (*trang 4*):

Đề nghị bổ sung chỉ tiêu kinh tế số: “Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước vùng Trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2030 đạt 20-30%” vào mục tiêu phát triển kinh tế vùng đến năm 2030 (*trang 4*) để đảm bảo thống nhất trong thực hiện các mục tiêu Nghị quyết 96/NQ-CP đề ra.

- Về mục tiêu phát triển xã hội đến năm 2030 (*trang 4*):

Đề nghị bổ sung chỉ tiêu về xã hội vùng đến năm 2030 (trang 4): “Trung bình mỗi người dân có 01 tài khoản điện toán đám mây, 01 điện thoại thông minh”.

- Về các nhiệm vụ trọng tâm (trang 5):

+ Tại khổ 1, trang 5, điểm a: Các nhiệm vụ trọng tâm: Đề nghị điều chỉnh nội dung: “...Xây dựng, nâng cấp sân bay, hạ tầng logistics, hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, các khu du lịch và hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng số hiện đại, thông minh để tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận các cơ hội phát triển kinh tế số...”.

+ Tại khổ 1, trang 7, điểm b, đột phá về liên kết vùng, đề nghị bổ sung nội dung: “Triển khai chuyên đổi số toàn diện, tổng thể ở mọi mặt, mọi lĩnh vực của kinh tế-xã hội vùng. Phát triển và đẩy mạnh triển khai nền tảng số dùng chung, thúc đẩy cộng tác và hợp tác dựa trên các yếu tố dữ liệu, ra quyết định và đa dạng hóa dịch vụ dựa trên tài nguyên dữ liệu”.

+ Khổ 3, trang 7, điểm b, đột phá trong thúc đẩy cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế, có lợi thế đặc thù, đề nghị bổ sung nội dung: “...từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn...” và “...với cơ chế, chính sách đặc thù có tính đột phá, ứng dụng công nghệ số và dữ liệu để hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả công tác quản trị, giám sát, điều hành kinh tế, quản trị xã hội trên không gian tích hợp thực - số, nhằm phát triển kinh tế đi đôi với góp phần ổn định chính trị...”.

+ Tại khoản d Mục 1 Phần IV Điều 1 Phương hướng phát triển hạ tầng cấp thoát nước và xử lý nước thải (trang 29) đề nghị chỉnh sửa thành “Phát triển hệ thống cấp nước đảm bảo cấp nước ổn định cho sản xuất công nghiệp và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân trong vùng; ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt để cấp nước sinh hoạt đáp ứng TCXDVN33:2006 và TCVN 13606:2023” vì Hệ thống TCVN theo quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chỉ có 02 cấp tiêu chuẩn quốc gia (ký hiệu TCVN) và tiêu chuẩn cơ sở (ký hiệu TCCS), không tồn tại cấp tiêu chuẩn ngành.

- Về phương hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông (trang 30):

+ Đề nghị sửa các cụm từ “hạ tầng mạng lưới thông tin truyền thông” thành “hạ tầng thông tin và truyền thông” để phù hợp và đồng bộ với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

+ Đề nghị đưa các nội dung sau đây thay thế cho các nội dung đã có trong dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch vùng:

Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, thông minh và đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng - xã hội khác để tăng hiệu quả đầu tư, sử dụng hiệu quả tài nguyên vùng.

Xây dựng hạ tầng số bao gồm hạ tầng viễn thông, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng công nghệ như dịch vụ và các nền tảng số có tính hạ tầng, trong đó: Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (5G) trên phạm vi toàn vùng. Nâng cấp hạ tầng Internet, tối ưu hóa bố cục cấu trúc mạng... Phát triển hạ

tầng Internet vạn vật (IoT) bao gồm xây dựng thành phố thông minh, nhà máy thông minh, giao thông vận tải... để phục vụ cho việc phát triển kinh tế số và xã hội số.

Kết nối, khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số quy mô quốc gia phục vụ cho chuyển đổi số trên địa bàn vùng. Hình thành Trung tâm dữ liệu lớn vùng và Trung tâm chuyển đổi số vùng, tập trung các doanh nghiệp số, phát triển, thí điểm các giải pháp số, sản phẩm số, bồi dưỡng nguồn nhân lực số của vùng để lan toả đến các địa phương trong vùng. Các doanh nghiệp công nghệ số và các chủ quản hệ thống thông tin trong vùng để làm chủ và phát triển công nghệ về giám sát, đảm bảo an toàn thông tin mạng cho chính quyền số, kinh tế số và xã hội số phát triển bền vững.

Khuyến khích ưu tiên đầu tư hạ tầng thông tin và truyền thông tại khu vực biên giới trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ dịch vụ viễn thông băng rộng, phủ sóng điện thoại di động và cố định cho vùng biên giới, gắn phát triển dịch vụ viễn thông với nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội.

Mở rộng mạng lưới bưu chính phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số. Xây dựng các trung tâm bưu chính vùng tại Phú Thọ, Sơn La và Thái Nguyên; tích hợp các giải pháp công nghệ hiện đại nhằm tối ưu hóa hoạt động giao nhận, vận chuyển cho thương mại điện tử, nâng cao năng lực cạnh tranh về logistics, chú trọng khai thác hạ tầng bưu chính để phát triển các dịch vụ mới nhằm mở rộng hệ sinh thái dịch vụ bưu chính.

Phát triển hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung phục vụ sản xuất phần cứng công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, các sản phẩm điện tử, các sản phẩm Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo tại các địa phương Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang.

Tổ chức các cơ quan báo chí trong vùng theo hướng hội tụ, đa phương tiện, đa nền tảng. Xây dựng và phát triển một số nhà xuất bản trọng điểm có ảnh hưởng lớn, phân bố hợp lý, hình thành mạng lưới cơ sở phát hành xuất bản phẩm đến cấp huyện, xã. Chú trọng các xuất bản do người dân tộc sản xuất trong khu vực bản địa. Sử dụng các nền tảng công nghệ số tương tác với người dân và bảo đảm cung cấp thông tin và người dân được tiếp cận thông tin, đặc biệt là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Hầu hết các địa phương có cửa khẩu quốc tế thiết lập cụm thông tin đối ngoại phục vụ nhiệm vụ thông tin đối ngoại, góp phần ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh.

- Rà soát các nội dung về hạ tầng y tế (trang 32) bảo đảm thống nhất, đồng bộ với dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch vùng quy định hệ thống cơ sở y tế.

- Bổ sung phương hướng bảo đảm quốc phòng, an ninh nội dung: “- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng thế trận phòng thủ, trên cơ sở cấp nhật, tích hợp đầy đủ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên phạm vi cả nước được xác định tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; chỉ đạo của Chính phủ tại văn bản 9297/VPCP-CN ngày 06/11/2020 và Thông báo số 430/TB-VPCP ngày 23/10/2023 về rà soát, cập nhật,

tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho quốc phòng vào hệ thống quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn các tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc”.

- Về Danh mục các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện: Đề nghị bổ sung các dự án liên quan tới phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng thông tin và truyền thông vào Danh mục các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện của vùng, bảo đảm đồng bộ với dự thảo Quy hoạch hạ tầng ngành thông tin và truyền thông, sẵn sàng phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, cụ thể:

- + Nhóm dự án phát triển chuyển đổi số vùng: Giai đoạn 2021-2030;
- + Nhóm dự án phát triển kinh tế số vùng: Giai đoạn 2021-2030;
- + Nhóm dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin: Giai đoạn 2021-2030 và sau năm 2030;
- + Nhóm dự án phát triển các trung tâm bưu chính vùng: Giai đoạn 2021-2030 và sau năm 2030.

m) Hệ thống cơ sở dữ liệu và bản đồ quy hoạch

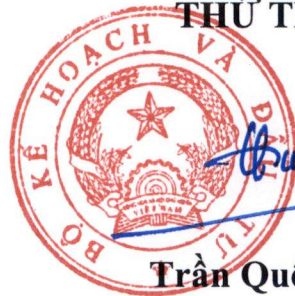
Đề nghị rà soát, hoàn thiện theo quy định tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ và Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trên đây là các nội dung về quá trình lập quy hoạch và tóm tắt ý kiến thẩm định đối với hồ sơ Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng xin trân trọng báo cáo Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà (đề b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các thành viên, ủy viên phản biện HĐĐ;
- Lưu: VT, QLQH. *A79*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

**DANH SÁCH CÁC CHUYÊN GIA GỬI BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN
THÀNH VIÊN HĐQT QUY HOẠCH VÙNG TDMNPB**

- 1- Giáo sư, Tiến sỹ Đào Xuân Học – Nguyên Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. *Điện thoại: 0913923306; Địa chỉ: Số nhà 84 Nguyễn Thanh Bình, Hà Đông, Hà Nội.*
- 2- Phó Giáo sư, Tiến sỹ Phạm Trung Lương – Nguyên Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. *Điện thoại: 0904364979; Địa chỉ: Nhà 109 ngõ 173 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà.*
- 3- Phó Giáo sư, Tiến sỹ, Kiến trúc sư Trần Trọng Hanh – Nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội. *Điện thoại: 0913235818; Địa chỉ: Số nhà 159 Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội.*
- 4- Phó Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Thế Chinh – Nguyên Viện trưởng Viện Chiến lược chính sách Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường. *Điện thoại: 0913307559; Địa chỉ: Phòng 207, số 23, Ngõ 62 đường Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội.*
- 5- Tiến sỹ Đặng Kim Sơn – Nguyên Viện trưởng Viện Chiến lược chính sách, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. *Điện thoại: 0913270672; Địa chỉ: Phòng 1704 Tòa FLC Twin Tower, 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.*
- 6- Tiến sỹ Nguyễn Bá Ân – Nguyên Tổng thư ký Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh. *Điện thoại: 0989971719; Địa chỉ: Phòng 2912A Tòa nhà R2 Sunshine RiverSide, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội.*

**DANH SÁCH CÁC BỘ, CQ NGANG BỘ GỬI BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý
KIẾN THÀNH VIÊN HĐTD QUY HOẠCH VÙNG TDMNPB**

1. Bộ Nội vụ.
2. Bộ Tài chính.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4. Bộ Xây dựng.
5. Bộ Giao thông vận tải.
6. Bộ Công Thương.
7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
8. Bộ Khoa học và Công nghệ.
9. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
10. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
11. Bộ Y tế.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
13. Bộ Thông tin và Truyền thông.
14. Bộ Quốc phòng.
15. Bộ Công an.
16. Bộ Tư pháp.
17. Bộ Ngoại giao.
18. Ủy ban Dân tộc.